

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀM HƯƠNG TÂM SÁNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀM HƯƠNG TÂM SÁNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM SANG AGARWOOD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703194890

**3. Ngày thành lập:** 14/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Khu phố Chánh Lộc 2, Phường Chánh Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0962837383

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                               | 4620        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669(Chính) |
| 7.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                     | 0121        |
| 8.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                              | 0128        |
| 9.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                               | 0129        |
| 10. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                  | 0131        |
| 11. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                   | 0132        |
| 12. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                        | 0231        |
| 13. | Thu nhập lâm sản khác trừ gỗ                                                                                         | 0232        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                         | 0240        |
| 15. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                     | 8292        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                              | 8299        |
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690        |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719        |
| 20. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721        |

|     |                                                                                                                                                                                                |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 21. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4722                                                         |
| 22. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                    | 1061                                                         |
| 23. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                         | 1399                                                         |
| 24. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                 | 1410                                                         |
| 25. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                 | 1610                                                         |
| 26. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                              | 1621                                                         |
| 27. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                        | 1622                                                         |
| 28. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                        | 1623                                                         |
| 29. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                       | 1629                                                         |
| 30. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                         | 2029                                                         |
| 31. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                            | 4785                                                         |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                     | 4789                                                         |
| 33. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                   | 4799                                                         |
| 34. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                           | 3290                                                         |
| 35. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                        | 4759                                                         |
| 36. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4771                                                         |
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4773                                                         |
| 38. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 990.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                 | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHẠM NGỌC<br>TRƯỜNG | Thôn Điện Long,<br>Xã Nghĩa Điện,<br>Huyện Tư Nghĩa,<br>Tỉnh Quảng Ngãi,<br>Việt Nam               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 97.020        | 970.200.000              | 98,000       | 0510930198<br>80                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                    | Tổng số                            | 97.020        | 970.200.000              | 98,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | DANH ĐỪNG           | Số Nhà 12 Tổ 1,<br>Ấp Xẻo Dầu, Xã<br>Hoà An, Huyện<br>Giồng Riềng,<br>Tỉnh Kiên Giang,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 990           | 9.900.000                | 1,000        | 0910940030<br>17                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                    | Tổng số                            | 990           | 9.900.000                | 1,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                         |                                    |     |           |       |                  |
|---|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----|-----------|-------|------------------|
| 3 | ĐÌNH VĂN<br>CHUNG | Đội 16, Thôn Vạn<br>Phúc, Xã Vạn<br>Kim, Huyện Mỹ<br>Đức, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 990 | 9.900.000 | 1,000 | 0010920135<br>79 |
|   |                   |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                   |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                   |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                   |                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                   |                                                                                         | Tổng số                            | 990 | 9.900.000 | 1,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: PHAM NGOC TRƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 20/09/1993

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051093019880

Ngày cấp: 16/11/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Diên Long, Xã Nghĩa Diên, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Diên Long, Xã Nghĩa Diên, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương